

Tập 278

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm tám mươi ba:

(Sớ) Thử chi Ngũ Trược, thả cứ quả ngôn, nhược Lăng Nghiêm sở vân: Hoặc phối tam tế, lục thô, hoặc phối Ngũ Âm, nghĩa diệc bất dị.

(Diễn) Thử chi Ngũ Trược, thả cứ quả ngôn giả, vị thượng văn sở giải Ngũ Trược, thả nhất vãng tựu quả biên thuyết, phi nhược Lăng Nghiêm sở thuyết, thông hồ nhân quả dã. Hoặc phối tam tế giả, thị chư sư dĩ tam tế, lục thô thích Ngũ Trược dã, hoặc phối Ngũ Âm, thị Cô Sơn ước Ngũ Âm vọng tưởng vi Ngũ Trược dã. Nghĩa diệc bất dị giả, vị pháp tướng tuy bất đồng, nhi nghĩa lý tắc vô biệt dã.

(疏)此之五濁，且據果言，若楞嚴所云：或配三細六粗，或配五陰，義亦不異。

(演)此之五濁。且據果言者。謂上文所解五濁。且一往就果邊說。非若楞嚴所說。通乎因果也。或配三細者。是諸師以三細六粗釋五濁也。或配五陰。是孤山。約五陰妄想為五濁也。義亦不異者。謂法相雖不同。而義理則無別也。

(Sớ: Năm món Trược ấy là nói theo quả. Nếu theo như kinh Lăng Nghiêm đã nói, thì hoặc là phối ứng với ba tế tướng, sáu thô tướng, hoặc phối ứng với Ngũ Âm, nhưng ý nghĩa cũng chẳng khác.

Diễn: “Năm món trược ấy là nói theo quả”, nghĩa là Ngũ Trược như đã giải thích trong đoạn văn trên đây chính là một mực dựa theo phía quả để nói, chẳng dung thông cả nhân lẫn quả như trong kinh Lăng Nghiêm đã nói. “Hoặc phối ứng với ba tế tướng” là các Sư dùng ba tế tướng và sáu thô tướng để giải thích Ngũ Trược. “Hoặc phối ứng với Ngũ Âm” là như ngài Cô Sơn coi vọng tưởng thuộc Ngũ Âm là Ngũ Trược. “Nghĩa cũng chẳng khác” ý nói: Pháp tướng tuy khác nhau, nghĩa lý chẳng sai khác).

Câu này nhằm tổng kết “*Ngũ Trược ác thế*” đã nói trong phần trước. “*Trược ác*” là nói theo quả; hễ có quả, nhất định là có nguyên nhân. Đức Phật thuyết kinh, có khi thiên trọng nơi tạo nhân, có lúc chú trọng nói đến quả báo. Như trong đoạn này là nói về quả báo, cũng có khi là nhân và quả đều nói. Do tình hình ấy, chúng ta có thể thấu hiểu rõ ràng: Đức Phật thuyết pháp là ứng theo căn cơ để nói, Ngài xem xét [căn cơ] của đại chúng tham dự pháp hội khi ấy. Nói đến nhân, chúng ta sẽ nghĩ đến quả báo; nói đến quả, cũng giống như vậy, chúng ta cũng biết nhân duyên nào tạo thành quả báo ấy. Nhất là trong thời đại hiện tại, đối với quả báo trược ác, chẳng cần phải nêu căn cứ như đức Phật đã nói trong kinh, gần như mỗi người chúng ta đều có cảm xúc rất sâu đậm. Hiện thời, y báo của chúng ta chẳng tốt đẹp, hoàn cảnh sống chẳng tốt đẹp. Chẳng cần nói là so với thời cổ, chỉ so với ba mươi năm trước. Ba mươi năm trước, hoàn cảnh sống của chúng ta xác thực là vẫn rất đẹp đẽ, đại chúng trong xã hội cũng rất tốt lành. Tuy chưa thể nói là “chân thiện mỹ đạt đến tiêu chuẩn rất cao”, nhưng vẫn còn có một chút ý nghĩa. Trong hoàn cảnh sống hiện tại, có thể nói là đã chẳng tìm được may mắn nào. Tuy điều kiện vật chất ưu việt hơn trước kia, của cải gia tăng, nhưng hoàn cảnh sống của chúng ta thua kém quá khứ rất xa. Tục ngữ Trung Hoa thường nói: “*Giàu mà chẳng vui*”. Đâm ra, thời thời khắc khắc bận tâm, lo lắng, chẳng có cảm giác an toàn. Điều này thuộc về quả báo, tức là cõi đời trược ác.

Nhân duyên của sự trược ác là do thiên tai ư? Là do tai nạn tự nhiên ư? Hiện thời, xác thực là có lắm kẻ tưởng là do thiên tai, là tự nhiên, sức người chẳng có cách nào chống chọi. Các nhà khoa học và triết gia đều nói theo kiểu này, mọi người tin theo, cho là thật, nghĩ cách nói ấy là chánh xác. Trọn chẳng biết trong kinh, đức Phật đã dạy: Hoàn cảnh sống của chúng ta tốt hay xấu tùy thuộc lòng người thiện hay ác mà chuyển biến. Lòng người thiện hay ác chính là nguyên do khiến cho hoàn cảnh xã hội tốt hay xấu. Kinh cũng thường dạy: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”. Chánh báo ở đây chính là lòng người thiện hay ác, còn y báo là hoàn cảnh tốt hay xấu. Chỉ có đức Phật nói rõ ràng, minh bạch chuyện này. Chúng ta thấy người hiện thời tạo cái nhân gì? Cũng có nghĩa là thông thường họ nghĩ tưởng những gì, nói những gì, làm những gì, chúng ta sẽ biết quả báo trong tương lai như thế nào. Đức Phật bảo: Hết thấy ác nhân và ác duyên đều phát sanh từ Tam Độc. Kiến Trược, Phiền Não Trược là nhân, Kiếp Trược, Chúng Sanh Trược, và Mạng Trược thuộc về quả báo. Chúng ta thấy người hiện thời kiến giải sai lầm

mỗi ngày một sâu hơn, phiền não ngày một tăng trưởng, một mực như vậy, quả báo trong tương lai sẽ càng đáng sợ hơn hiện thời!

Người trên thế gian hiện thời truy cầu của cải, truy cầu quyền lực, địa vị, truy cầu hưởng thụ. Truy cầu mù quáng là tạo tội nghiệp. Những thứ ấy có thể cầu hay không? Có thể chứ! Đức Phật đã nói rất minh bạch: “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). Cầu của cải, được của cải; chẳng có gì không cầu được! Cầu thì phải đúng lý, đúng pháp, phải biết mối quan hệ giữa nhân, duyên và quả. Cầu như vậy là cầu chánh đáng, sẽ cầu được quả báo tốt đẹp, cũng là như chúng ta thường nói: “*Cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn*”. Đó là do đúng lý, đúng pháp mà cầu được. Nếu cứ cầu mù quáng, chắc chắn chẳng đạt được hạnh phúc. Hạnh phúc còn chẳng có, thì mỹ mãn càng chẳng cần phải bàn đến nữa! Kẻ chẳng học Phật không biết, chứ đối với người học Phật, hãy nên hiểu rành mạch, rõ ràng.

Nói theo kinh Lăng Nghiêm, Ngũ Trược có thể “*phối tam tế, lục thô*” (phối ứng với ba tế tướng và sáu thô tướng), cũng có thể “*phối Ngũ Âm*” (phối ứng với Ngũ Âm), Ngũ Âm là Ngũ Uẩn. Do vậy, có thể biết: Phật pháp xác thực là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Một chính là hết thảy, hết thảy chính là một*”. Phật pháp viên dung, thông đạt, chẳng có chướng ngại, tỏ rõ pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp.

(Sao)Phối tam tế đẳng giả, dĩ Kiếp Trược phối Nghiệp Tướng, vị vô minh sơ khởi, tánh toại hôn trược cố.

(Diễn) Tam tế đẳng giả, Khởi Tín Luận vân: “Bất như thật tri Chân Như pháp nhất cố, bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm. Y bất giác cố, sanh tam chủng tướng: Nhất giả Vô Minh Nghiệp Tướng, dĩ y bất giác cố, tâm động, thuyết danh vi Nghiệp. Giác tác bất động, động tác hữu khổ, quả bất ly nhân cố. Nhị giả Năng Kiến Tướng, dĩ y động, cố năng kiến, bất động tác vô kiến. Tam giả Cảnh Giới Tướng, dĩ y năng kiến cố, cảnh giới vọng hiện. Ly kiến, tác vô cảnh giới”. Dĩ hữu cảnh giới duyên cố, phục sanh lục chủng tướng: Nhất giả Trí Tướng, y u cảnh giới tâm khởi phân biệt, ái dữ bất ái cố. Nhị giả Tương Tục Tướng, y u Trí cố, sanh kỳ khổ lạc giác, tâm khởi niệm tương ứng bất đoạn cố. Tam giả Chấp Thủ Tướng, y u tương tục duyên niệm cảnh giới, trụ trì khổ lạc, tâm khởi trước cố. Tứ giả Kế Danh Tự Tướng, y u vọng chấp, phân biệt giả danh ngôn tướng cố. Ngũ giả Khởi Nghiệp Tướng, y u danh tự, tầm danh thủ trước, tạo chủng chủng nghiệp cố. Lục giả Nghiệp Hệ Khổ Tướng, dĩ y nghiệp thọ báo, bất tự tại cố. Dĩ

Kiếp Trước phối Nghiệp Tướng giả. Kiếp giả, thời dã. Tâm tánh bản tịnh, do vô minh sơ động thời tức hôn trước. Cổ viết Kiếp Trước. Kim Nghiệp Tướng diệt nhiên, vô minh sơ khởi, thành Nghiệp Tướng cố.

(鈔)配三細等者，以劫濁配業相，謂無明初起，性遂渾濁故。

(演)三細等者。起信論云。不如實知真如法一故。不覺心起而有其念。依不覺故。生三種相。一者無明業相。以依不覺故心動。說名為業。覺則不動。動則有苦。果不離因故。二者能見相。以依動故能見。不動則無見。三者境界相。以依能見故境界妄現。離見則無境界。以有境界緣故。復生六種相。一者智相。依於境界心起分別。愛與不愛故。二者相續相。依於智故。生其苦樂覺心起念相應不斷故。三者執取相。依於相續緣念境界。住持苦樂。心起著故。四者計名字相。依於妄執。分別假名言相故。五者起業相。依於名字。尋名取著。造種種業故。六者業繫苦相。以依業受報。不自在故。以劫濁配業相者。劫者時也。心性本淨。由無明初動時即渾濁。故曰劫濁。今業相亦然。無明初起成業相故。

(Sao: “Phối ứng với ba tế tướng”: Dem Kiếp Trước phối ứng với Nghiệp Tướng, có nghĩa là vô minh vừa mới khởi lên, tánh bản bị vẩn đục.

Diễn: “Ba tế tướng v.v...”: Khởi Tín Luận nói: “Chẳng đúng như thật biết pháp Chân Như là một, cái tâm bất giác dậy lên bèn có niệm. Nương vào sự bất giác ấy, sanh ra ba thứ tướng. Một là Vô Minh Nghiệp Tướng, do nương vào bất giác nên tâm động, nên gọi tên là Nghiệp. Hễ giác, sẽ chẳng động. Hễ động, sẽ có khổ, quả chẳng lìa nhân vậy. Hai là Năng Kiến Tướng, do nương vào động nên có thấy. Chẳng động, sẽ

không thấy. Ba là Cảnh Giới Tướng, do nương vào cái có thể thấy (Năng Kiến) mà hư vọng hiện ra cảnh giới. Là cái thấy, sẽ chẳng có cảnh giới. Do có cảnh giới để duyên vào, lại sanh ra sáu thứ tướng. Một là Trí Tướng, [nghĩa là] nương vào cảnh giới mà tâm dấy lên sự phân biệt yêu thích và chẳng yêu thích. Hai là Tương Tục Tướng, do nương vào trí, bèn sanh cái tâm nhận biết khổ, lạc, dấy lên ý niệm tương ứng chẳng ngừng. Ba là Chấp Thủ Tướng, nương vào sự duyên niệm cảnh giới liên tục mà duy trì khổ hay vui, tâm dấy lên sự đả trước. Bốn là Kế Danh Tự Tướng, nương vào chấp trước hư vọng, mà phân biệt tướng ngôn ngữ giả danh. Năm là Khởi Nghiệp Tướng, nương vào danh tự, theo đuổi cái danh, nắm giữ, chấp trước, tạo đủ mọi nghiệp. Sáu là Nghiệp Hệ Khổ Tướng, do nương theo nghiệp mà thọ báo, chẳng tự tại”. “Đem Kiếp Trược phối hợp với Nghiệp Tướng”: Kiếp là Thời. Tâm tánh vốn tịnh, do vô minh dấy động lúc ban sơ, [tâm tánh] bèn vẫn đục, nên gọi là Kiếp Trược. Nay Nghiệp Tướng cũng thế, lúc vô minh vừa mới dấy động bèn trở thành Nghiệp Tướng).

Phân chú giải đã chú thích rất tỉ mỉ, ở đây, tôi chỉ nói đại ý. “*Nghiệp*” là tạo tác, khởi tâm động niệm là sự tạo tác nơi ý, ngôn ngữ là sự tạo tác nơi miệng, nhất cử nhất động nơi thân thể là sự tạo tác nơi thân nghiệp. Đó gọi là sự tạo tác nơi ba nghiệp thân, khẩu, ý. Ba nghiệp tạo tác bèn có làm lỗi, làm lỗi là gì vậy? Nói cách khác, sẽ là chẳng tương ứng với Tánh Đức. Tương ứng với Chân Như bản tánh, sẽ chẳng có làm lỗi, chúng ta gọi loại tạo tác đó là “*tịnh nghiệp*”, tức là nghiệp thanh tịnh. Vì sao? Nó chẳng có quả báo trong tam giới, lục đạo, cho đến quả báo trong mười pháp giới đều chẳng có, đức Phật bất đắc dĩ gọi nó là Nhất Chân pháp giới, như Tây Phương Cực Lạc thế giới thuộc về Nhất Chân pháp giới. Hết thầy đại chúng trong ấy, từ A Di Đà Phật cho đến tất cả những người vãng sanh thế giới Tây Phương, tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, và tạo tác của họ đều thuận theo Chân Như bản tánh. Vì thế gọi là “*tịnh nghiệp*”. Nay chúng ta khởi tâm động niệm, hết thầy tạo tác đều trái nghịch, tương phản Chân Như bản tánh, bèn có làm lỗi trong ấy. Đã có làm lỗi, cái nhân là bất thiện, sẽ ảnh hưởng đến hoàn cảnh y báo. Đó gọi là Kiếp Trược.

Hai câu kế tiếp trong lời chú giải hết sức hay, đơn giản, mà trọng yếu, ngắn gọn. “*Vô minh sơ khởi*” (Vô minh vừa mới dấy lên). Vấn đề phát sanh ở chỗ này. Vô minh là gì? Đối với vũ trụ và nhân sinh bèn mê hoặc, chẳng liễu giải. Giáo dục trong Phật pháp, nói thật ra, chỉ nhằm

dạy chúng ta một chuyện: Dạy chúng ta nhận thức, thông hiểu vũ trụ và nhân sinh. Như vậy thì sẽ chẳng đến nỗi vô minh. Vũ trụ là hoàn cảnh sống của chúng ta. Nhân sinh là chính con người. Nói cách khác, mục tiêu cao nhất của nền giáo học Phật pháp là dạy chúng ta nhận rõ chính mình, nhận rõ hoàn cảnh sống; chỉ là như thế mà thôi. Nội dung của cả một bộ Đại Tạng Kinh là nói về chuyện này. Quý vị thật sự nhận thức rõ ràng, minh bạch, bèn phá trừ vô minh, chẳng có vô minh nữa. Chẳng có vô minh thì sẽ giống như chư Phật, Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát chẳng giống chúng ta, phàm phu có vô minh, chư Phật, Bồ Tát chẳng có vô minh, các Ngài điều gì cũng hiểu rõ. Vô minh là chẳng hiểu rõ: Chẳng hiểu rõ chính mình; đối với hoàn cảnh sống, cũng chẳng hiểu rõ. Như thế thì sẽ khiến cho Chân Như tự tánh vốn thanh tịnh, dường như [trở thành] chẳng thanh tịnh, bị vẩn đục. Thứ gì vẩn đục nó? Chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sanh ra những lời lẽ và hành vi trái nghịch tự tánh, những thứ ấy khiến cho tự tánh bị vẩn đục.

Cách nói ấy khiến cho các đồng tu sơ học vẫn thấy rất khó lý giải. Chúng tôi lại nói đơn giản hơn đôi chút, lại nói thô thiển, dễ hiểu hơn một chút, vì chẳng thể không biết những chuyện này. Ví như chúng ta tâm tâm niệm niệm mong cầu của cải, thấy người khác phát tài, sẽ tự nhiên hâm mộ, nghĩ ta cũng phải nên có của cải. Của cải do đâu mà có? Tuyệt đối chẳng phải là do kẻ ấy có năng lực. [Nếu nghĩ] người ấy rất có khả năng, vận may rất tốt, quý vị đã thấy sai mất rồi, đã thấy lệch lạc mất rồi! Nguyên nhân thật sự là trong đời quá khứ, người ấy tu tài bố thí, đó là cái nhân. Đời này, người ấy hoặc là buôn bán, hoặc làm thợ. Đó là duyên. Người ấy mua một tờ vé số, trúng giải độc đắc; đó là duyên. Cái nhân thật sự để phát tài là tài bố thí trong quá khứ; nhân và duyên gặp gỡ, quả báo hiện tiền. Chuyện là như thế đó. Vì thế, nếu chúng ta muốn có của cải, quý vị hãy tu tài bố thí. Quý vị bố thí càng nhiều, đạt được càng nhiều. Chỉ tu tài bố thí, đã phát tài; nếu chẳng vận dụng thích đáng, quý vị cũng bị hại thảm lắm. Vận dụng như thế nào? Đó là trí huệ. Đức Phật dạy người ta phước huệ song tu, chẳng thể lệch về một bên. Nếu lệch sang một bên, thì thiên trọng huệ, chớ nên thiên trọng tài. Vì có tài mà chẳng có huệ, sẽ tạo nghiệp, sẽ bị đọa lạc. Có huệ mà chẳng có tài, chẳng sao cả! Mức độ tệ nhất là cuộc sống kham khổ đôi chút, chẳng đến nỗi tạo tội nghiệp, chẳng đến nỗi đọa trong tam đồ. Do vậy, có thể biết: Huệ quan trọng hơn phước.

Chúng ta nhìn rộng ra xã hội hiện thời, thấy điều gì? Thấy mọi người đang tạo nhân. Người Đài Loan đứng đầu thế giới về tài bố thí. Ai

nấy đều có thể bỏ ra tiền tài, ai nảy đều thích xả tài. Trong tương lai, của cải ở nơi đây sẽ còn hưng vượng hơn hiện thời. Mọi người tu nhân, sau này, nhất định có quả báo. Nhưng ở trong ấy, chẳng thể nói là không có vấn đề. Vấn đề gì vậy? Rất nhiều người chẳng thể phân biệt tà, chánh! Tuy tu tài, nhưng chẳng tu nơi chánh pháp, mà tu nơi tà đạo. Những kẻ ấy tuy có của cải, chúng sẽ đem lại rất nhiều nỗi khó chịu. Vì thế, phải phân định rõ tà và chánh, có phải là phước điền thật sự hay không? Những gì là phước điền chánh pháp? Những gì chẳng phải là phước điền chánh pháp? Chúng ta phải phân biệt rõ ràng. Chỉ có chánh pháp thì mới có thể đem lại an định, phồn vinh cho xã hội, mang lại hạnh phúc thật sự cho hết thảy đại chúng. Nhân duyên của trí huệ là phải hành pháp bố thí. Nay chúng ta thấy một điều hết sức đau đầu; có thể nói là một trào lưu thời đại, ai cũng chẳng thể nào ngăn cản được! Trào lưu gì vậy? Bảo vệ quyền tài sản trí huệ; quả báo là gì? Ngu si. Bảo hộ quyền tài sản trí huệ là không chịu hành pháp bố thí, do pháp bố thí thì mới tăng trưởng trí huệ. Nay họ rất thông minh, rất có tư tưởng, có kiến giải, viết rất nhiều bộ sách hay, phía sau ghi: “*Giữ bản quyền sở hữu, in lại ắt truy cứu trách nhiệm*”. Chuyển sang đời sau, họ sẽ là kẻ ngu si, vì sao? Chẳng thể hành pháp bố thí. Chẳng thể bố thí pháp, sẽ mắc quả báo ngu si!

Trong kinh Di Đà, đối với mười sáu vị tôn giả [được kể tên] trong phần đầu, ngài Châu Lợi Bàn Đà Già hết sức ngu si. Đức Phật dạy tôn giả hai câu kệ, dạy Ngài thuộc câu trước thì câu sau chẳng biết. Dạy câu sau, Ngài quên khuấy câu trước. Đức Phật bảo mọi người: Đời trước, tôn giả là một vị Tam Tạng pháp sư, pháp thế gian và xuất thế gian đều thông đạt. Vì sao chuyển thế bèn biến thành ngu si đường ấy? Keo kiệt pháp! Ngài dạy người khác mà chẳng chịu dạy hoàn toàn, chính mình còn giấu diếm đôi chút. Nay chúng ta đối với quyền tài sản trí huệ, phía sau [có ghi] “*Giữ bản quyền sở hữu, in lại ắt truy cứu trách nhiệm*”, chính là tự mình giữ riêng đôi chút, quả báo trong vị lai sẽ như ngài Châu Lợi Bàn Đà Già, như vậy thì mới là đáng thương. Do vậy, chuyện này chính là trào lưu hình thành trong thế giới hiện thời, chẳng có cách nào ngăn chặn, đúng như thầy Lý đã nói, chư Phật, Bồ Tát, thần tiên đều chẳng cứu được. Sanh lộ duy nhất của chúng ta là “*thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ*”. Vì mỗi người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều hành pháp bố thí, tuyệt đối chẳng có “*giữ bản quyền sở hữu, in lại ắt truy cứu*”. Đó là vì cái nhỏ nhặt mà đánh mất cái lớn lao. Những phần tử trí thức chỉ tham cầu một tí lợi ích rất nhỏ trước mắt, chẳng biết đã tạo thành khó khăn to lớn cho xã hội, chính mình trong tương lai sẽ bị đọa

lạc, thật sự là chẳng thể kham suy tưởng được. Tầm nhìn của chúng ta hướng ra xa, sẽ liễu giải chân tướng sự thật này.

Vô úy bố thí bèn đạt được quả báo là khỏe mạnh, sống lâu. Vô úy là gì? Chúng ta thời thời khắc khắc, nơi nơi chôn chôn, đều có thể nghĩ đến sự an toàn và hạnh phúc của đại chúng trong xã hội, tận tâm tận lực giúp đỡ, hiệp trợ người khác. Những điều ấy đều thuộc loại vô úy bố thí, quả báo là được khỏe mạnh, sống lâu. Chúng ta dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm từ bi để tu tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí, quý vị đạt được quả báo tự nhiên là hết sức mỹ mãn. Hạnh phúc mỹ mãn là do tu được, người chẳng học Phật không hiểu rõ đạo lý này. Người học Phật mà chẳng thấu triệt, sẽ chẳng tin tưởng lời Phật dạy, chính là như kinh này đã nói: “*Thiện căn, phước đức, nhân duyên ít ỏi*”, chẳng nhiều! Kể ấy tuy tiếp xúc Phật pháp, nghe đức Phật giáo huấn, nhưng chẳng thể tin tưởng, chẳng thể làm theo, [dẫu] nghe mà giống như chẳng nghe, hết sức đáng tiếc!

(Sao) Thứ dĩ Kiến Trược phối Chuyển Tướng, Hiện Tướng.

(Diễn) Thứ dĩ Kiến Trược phối Chuyển Hiện giả. Kiến giả năng kiến, sở kiến dã. Tiền Nghiệp Tướng Năng Sở vị phân, thứ thành Chuyển Hiện. Tuy vô phân biệt, Năng Sở uyển nhiên, tâm cảnh cụ túc. Cố dĩ Kiến Trược phối Chuyển Hiện.

(鈔)次以見濁配轉相・現相。

(演)次以見濁配轉現者。見者能見所見也。前業相能所未分。次成轉現。雖無分別。能所宛然。心境具足。故以見濁配轉現。

(Sao: Kế đó, phối ứng Kiến Trược với Chuyển Tướng và Hiện Tướng.

Diễn: “Kế đó, phối ứng Kiến Trược với Chuyển Tướng và Hiện Tướng”: Kiến là năng kiến (chủ thể trông thấy) và sở kiến (đối tượng được thấy). Đối với Nghiệp Tướng trong phần trước, Năng và Sở chưa phân, kế đó, trở thành Chuyển Tướng và Hiện Tướng. Tuy chẳng có phân biệt, nhưng Năng và Sở rành rành, tâm và cảnh trọn đủ. Vì thế phối hợp Kiến Trược với Chuyển Tướng và Hiện Tướng).

Đây là ba tể tướng. Tướng thứ nhất trong ba tể tướng là Nghiệp Tướng, Nghiệp là động. Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật đã nói: “*Một niệm bất giác bèn có vô minh*”. Bất giác là động, điều gì động? Tâm đã động. Tâm động như thế nào? Khởi niệm. Chư vị phải biết: Tâm khởi niệm là vô minh, chẳng khởi niệm cũng là vô minh. Càng nói, chúng ta càng khó hiểu. Vì sao nói động và chẳng động đều là vô minh? Khi chẳng động, bến nước (ý nói tâm thủy) của quý vị bị vẩn đục, chẳng thanh tịnh. Hễ động, sẽ cuộn sóng. Tuy nó bất động, giống như đất Định, Tứ Thiên, Bát Định, A La Hán đắc Cửu Thứ Độ Định, công phu định lực càng sâu, [thế nhưng] A La Hán chẳng có trí huệ. Vì sao? Tâm thủy của họ chẳng thanh tịnh. Nếu định đạt đến một mức độ kha khá, tâm thủy đã trong, chẳng có vô minh, Thiên Tông gọi chuyện này là “*minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ*”, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, quá khứ, hiện tại, vị lai đều thông đạt, đều hiểu rõ, đó mới là phá vô minh. Nếu không, Định cũng là vô minh, mà chẳng Định cũng vẫn là ở trong vô minh. Chúng ta nhất định phải hiểu: Động cũng là vẩn đục, mà bất động cũng là vẩn đục. Nay chúng ta chẳng niệm Phật, chẳng cầu sanh Tịnh Độ, chẳng nương cây A Di Đà Phật, nói thẳng thừng chẳng có cách nào! Bất luận quý vị tu pháp môn nào, [chỉ đơn độc] mong cậy vào sức của chính mình để lìa khỏi vẩn đục, sợ rằng chẳng có một ai có thể làm được!

“*Kiến*” (見) là phân biệt. Vô minh và nghiệp vẫn chưa có phân biệt, chẳng có chấp trước, chỉ là động. Hễ động, bèn vẩn đục hết sức mỏng nhẹ. Đến đây, do đã có phân biệt, cho nên có Kiến. Sau khi đã có phân biệt, bèn hiện tướng. Khoa học hiện thời đã chia hết thấy các pháp thành hai loại lớn: Một loại là vật chất, loại kia là tinh thần. Phật pháp cũng chia hết thấy các pháp thành hai loại lớn: Một loại là tâm pháp, loại kia là sắc pháp. Chuyện Tướng là tâm pháp, tức là tinh thần, Hiện Tướng là vật chất, là sắc pháp. Tâm và vật có cùng nguồn. Phật pháp nói “*Sắc và Tâm cùng một Thể*”, cùng do một thứ biến hiện, thứ gì vậy? Vô Minh Nghiệp Tướng. Từ Nghiệp Tướng biến hiện, biến hiện ra hai loại là tâm và vật, nay chúng ta nói là tinh thần và vật chất.

(Sao) Thứ dĩ Phiền Nã Trước phối Trí, Tương Tục, Chấp Thủ, Kế Danh Tự Tướng.

(Diễn) Thứ dĩ phiền nã phối Trí Tướng, Tương Tục Tướng, Chấp Thủ, Kế Danh giả, phiền nã bất xuất ngã pháp nhị chấp. Ngã pháp phục phân câu sanh, phân biệt. Kim Trí vi câu sanh pháp,

Tương Tục vì phân biệt pháp, Chấp Thủ vì câu sanh ngã, Danh Tự vì phân biệt ngã, tứ tướng giai thuộc phiền não đạo cố.

(鈔)次以煩惱濁配智、相續、執取、計名字相。

(演)次以煩惱配智相。相續相。執取。計名者。煩惱不出我法二執。我法復分俱生分別。今智為俱生法。相續為分別法。執取為俱生我。名字為分別我。四相皆屬煩惱道故。

(Sao: Kế đến là phối ứng Phiền Não Trước với Trí Tướng, Tương Tục Tướng, Chấp Thủ Tướng, Kế Danh Tự Tướng.

Diễn: “Kế đến, đem phiền não phối ứng với Trí Tướng, Tương Tục Tướng, Chấp Thủ Tướng, Kế Danh Tự Tướng”: Phiền não chẳng ngoài hai thứ chấp là Ngã Chấp và Pháp Chấp. Ngã Chấp và Pháp Chấp lại chia thành Câu Sanh và Phân Biệt. Nay Trí Tướng là Câu Sanh Pháp Chấp, Tương Tục Tướng là Phân Biệt Pháp Chấp, Chấp Thủ Tướng là Câu Sanh Ngã Chấp, Danh Tự là Phân Biệt Ngã Chấp. Bốn tướng đều thuộc về phiền não).

Từ đây trở đi là sáu thô tướng. Trong phần trước là ba tế tướng, ở đây là sáu thô tướng. Trong thô tướng có chấp trước; trong tế tướng chẳng có chấp trước, chúng có phân biệt, nhưng chẳng có chấp trước. Ở đây là có chấp trước, tức là có Trí. Tâm Kinh nói “vô trí mà cũng vô đắc”, “vô trí” là đoạn hết sáu thô tướng. Tự cho chính mình là có Trí, hồng rồi! Quý vị đọa trong sáu thô tướng, là phạm phu thứ thiệt, chẳng phải là thánh nhân. Tương Tục (相續) là phân biệt, chấp trước chẳng gián đoạn, niệm niệm tiếp nối. Chấp Thủ: Chấp (執) là chấp trước, Thủ (取) là chiếm hữu, nay chúng ta nói là “dục vọng chiếm hữu”. Dục vọng chiếm hữu do đâu mà có? Do Chấp Thủ Tướng mà ra. Kế Danh Tự Tướng là đối với hết thấy vạn pháp đều đặt cho chúng một cái tên. Danh là giả danh, chẳng thật. Lão Tử đã nói: “Danh khả danh, phi thường danh” (Cái tên mà gọi được thì chẳng phải là cái tên thường hằng), Ngài biết danh là giả, chẳng thật, chớ nên chấp trước. Chẳng liễu giải sự thật này, chấp trước kiên cố đối với tướng danh tự, cũng sẽ tạo ra khá nhiều tội nghiệp, nguyên nhân là do cứ ngỡ danh tự là chân thật, chẳng biết là [danh tự của mọi pháp] đều là những cái tên giả đặt.

(Sao) Thứ dĩ Chúng Sanh Trước phối Khởi Nghiệp Tướng.

(Diễn) Thứ dĩ chúng sanh phối Khởi Nghiệp Tướng giả, chúng sanh giả, chúng pháp tương sanh, diệc xứ xứ thọ sanh, cố viết chúng sanh. Dĩ do tạo thiện ác bất động đẳng nghiệp, phương cảm chúng pháp, xứ xứ thọ sanh cố.

(鈔)次以眾生濁配起業相。

(演)次以眾生配起業相者。眾生者。眾法相生。亦處處受生。故曰眾生。以由造善惡不動等業。方感眾法。處處受生故。

(Sao: Kế đó, đem Chúng Sanh Trước phối ứng với Khởi Nghiệp Tướng.

Diễn: “Kế đó, đem chúng sanh phối ứng với Khởi Nghiệp Tướng”: Chúng sanh là do các pháp hòa hợp mà sanh, lại cũng thọ sanh các nơi, nên gọi là “chúng sanh”. Do tạo các nghiệp thiện, ác, bất động v.v... nên mới cảm vòì các pháp, thọ sanh các nơi).

Hoặc, Nghiệp, Khổ, [các tướng] Trí, Tương Tục, Chấp Thủ, Kế Danh Tự đều thuộc loại mê hoặc. Sau khi đã mê hoặc bèn tạo nghiệp, tức là Khởi Nghiệp Tướng. Sau khi đã tạo nghiệp, bèn có quả báo.

(Sao) Thứ dĩ Mạng Trước phối Nghiệp Hệ Khổ Tướng.

(Diễn) Thứ dĩ Mạng Trước phối Nghiệp Hệ Khổ giả, Mạng Trước tức bát thức mạng căn, vì nhất kỳ chúng sanh chi tổng báo chủ, vì nghiệp sở hệ trụ thời quyết định bất đắc giải thoát cố.

(鈔)次以命濁配業繫苦相。

(演)次以命濁配業繫苦者。命濁即八識命根。為一期眾生之總報主。為業所繫住時決定不得解脫故。

(Sao: Kế đó, phối ứng Mạng Trước với Nghiệp Hệ Khổ Tướng.

Diễn: “Kế đó, phối ứng Mạng Trước với Nghiệp Hệ Khổ Tướng”, Mạng Trước là tám thức, mạng căn, là cái chủ yếu trong quả báo nói chung của chúng sanh trong một giai đoạn [thọ sanh], khi bị nghiệp ràng buộc thì chắc chắn là chẳng được giải thoát).

Đây là quả báo. Chúng ta thường nói chuyện này là lục đạo luân hồi. Chúng ta phải biết lục đạo luân hồi vì sao mà có? Ba tế tướng thuyết minh sự hình thành của vũ trụ, [nêu rõ] nguồn gốc của vũ trụ. Sáu thô tướng nhằm chỉ rõ vì sao có lục đạo luân hồi, xác thực là nói rất rành mạch. Ở đây, nhất định phải hiểu: Nhân như thế nào, sẽ có quả như thế ấy. Thiện nhân đắc thiện quả, do ác nhân đắc ác báo, nhân duyên quả báo chẳng sai sót mảy may. Đoạn tiếp theo là phối hợp [Ngũ Trược] tương ứng với Ngũ Âm. Ngũ Âm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

(Sao) Phối Ngũ Âm giả, dĩ Kiếp Trược phối Sắc Âm.

(鈔)配五陰者，以劫濁配色陰。

(Sao: Phối ứng với Ngũ Âm: Dem Kiếp Trược ghép với Sắc Âm).

Sắc là vật chất, nay chúng ta nói là thế giới và hoàn cảnh thiên nhiên.

(Sao) Vị không kiến bất phân, vọng kiến không nhi lưỡng vô kỳ thật, tánh vị hôn trược cố.

(Diễn) Dĩ Kiếp Trược phối Sắc Âm giả, Lăng Nghiêm vân: “Nhữ kiến hư không, biến thập phương giới, Không Kiến bất phân, hữu Không vô thể. Hữu Kiến vô giác, tương chức vọng thành. Thị đệ nhất trùng danh vi Kiếp Trược”. Thử tức thị dĩ Kiếp Trược phối Sắc Âm dã. Dĩ tương chức vọng thành, thị Không dĩ Kiến tương chức, nhi vọng thành Sắc Âm. Thử tức danh vi Kiếp Trược, khởi bất thị dĩ Kiếp Trược phối Sắc Âm? Cái Tứ Đại căn trần đồng danh Sắc Âm, nhi Không Kiến bất phân chi thời, căn trần hỗn loạn, phi Kiếp Trược nhi hà? Phân Không, phân Kiến, bản vô biên bản. Cố vân Không Kiến bất phân. Dĩ vô thể chi Không, chức vô giác chi Kiến. Dĩ vô giác chi Kiến, chức vô thể chi Không, nãi vọng kiến không nhi lưỡng vô kỳ thật. Thử trạm viên minh tâm, vi ngoan không sở hôn, nhi thành Kiếp Trược, thị tánh vị hôn trược.

(鈔)謂空見不分，妄見空而兩無其實，性為渾濁故。

(演)以劫濁配色陰者。楞嚴云。汝見虛空。遍十方界。空見不分。有空無體。有見無覺。相織妄成。是第一重名為劫濁。此即是以劫濁配色陰也。以相織妄成。是空

與見相織。而妄成色陰。此即名為劫濁。豈不是以劫濁配色陰。蓋四大根塵同名色陰。而空見不分之時。根塵渾亂。非劫濁而何。分空分見。本無邊畔。故云空見不分。以無體之空。織無覺之見。以無覺之見。織無體之空。乃妄見空而兩無其實。此湛圓明心。為頑空所渾。而成劫濁。是性為渾濁。

(Sao: Nghĩa là Không và Kiến chẳng phân, hư vọng thấy có Không, nên cả hai đều chẳng thật, tánh bị vẩn đục vậy.

***Diễn:** “Đem Kiếp Trước ghép với Sắc Ấm”: Kinh Lăng Nghiêm nói: “Ông thấy hư không trọn khắp các cõi trong mười phương. Do Kiến và Không chẳng tách lìa, chỉ có Không [mà chẳng có Kiến] thì chẳng có Thể, có Kiến [mà chẳng có Không] thì chẳng có Giác. Do Không và Kiến đan xen lẫn nhau, mà hư vọng tạo thành. Đây là tầng thứ nhất, gọi là Kiếp Trước”¹. Đây chính là đem Kiếp Trước phối ứng với Sắc Ấm. “Do chúng đan xen vào nhau mà hư vọng tạo thành” tức là Không và Kiến đan xen vào nhau, hư vọng tạo thành Sắc Ấm. Điều này được gọi là Kiếp Trước. Há chẳng phải là đem Kiếp Trước phối ứng với Sắc Ấm ư? Bởi lẽ, Tứ Đại, Căn, Trần cùng gọi là Sắc Ấm, cho nên khi Không và Kiến chẳng phân, Căn và Trần lẫn lộn, chẳng phải là Kiếp Trước thì là*

¹ Chúng tôi dịch đoạn này theo cách diễn giải của pháp sư Viên Anh trong bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa. Pháp sư Viên Anh giảng: “Nhữ kiến hư không: Nêu lên cái Không để biểu thị Tứ Đại như Địa Đại v.v... nêu lên Kiến để biểu thị năm món như Kiến Tinh (cái thấy trong trời, sáng suốt, tinh thuần, tức là tánh Thấy) v.v... Riêng nêu ra Kiến và Không vì hai thứ này đều trọn khắp mười phương thế giới, tương trạng của chúng liên kết chặt chẽ hư vọng, dễ nhận biết. ‘Không Kiến bất phân’: Đồng thời cùng trọn khắp, chẳng thể tách rời, chỗ nào là giới hạn của Không? Chỗ nào là giới hạn của Kiến? Hai câu này nói lên cái Thể của Trước. ‘Hữu Không vô Thể, hữu Kiến vô Giác’: Nếu chỉ có Không mà chẳng có Kiến, thì cái Không sẽ chẳng có cái Thể để được. Bởi lẽ, chẳng có Kiến thì lấy gì để nêu tỏ cái Thể của Không? Nếu chỉ có Kiến mà chẳng có Không, thì Kiến sẽ chẳng có cái được Giác, tức là chẳng có Trần để hiển lộ Căn. ‘Tương chức vọng thành’: Do Kiến và Không đan xen lẫn nhau, như từng sợi ngang, từng sợi dọc [trong một tấm vải], đan bên chặt chẽ, chẳng tách rời. Kiến và Không đã là như vậy thì Kiến và Sắc cũng vậy. Nhãn Căn đã là như vậy thì các căn khác cũng vậy. Căn và Trần phối ứng với nhau, vẩn đục chân tánh, che lấp diệu minh, nên trở thành cái tướng của Kiếp Trước”.

gì? Chia ra Không và Kiến, vốn chẳng ngăn mé, nên nói là “Không và Kiến chẳng phân”. Do cái Không chẳng có Thể đan xen với cái Kiến chẳng có Giác, hoặc dùng cái Kiến không có Giác để xen kết với cái Không chẳng có Thể, cho nên cả hai thứ Kiến và Không đều là hư vọng, chẳng thật. Cái tâm lắng trong, viên minh ấy bị vẩn đục bởi cái ngoan không (cái Không trơ trơ), nên tạo thành Kiếp Trược, đó là tánh bị vẩn đục).

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng Ngũ Trược tỉ mỉ hơn kinh này, vì kinh văn của kinh Lăng Nghiêm dài, trong hội Lăng Nghiêm đều là hàng Bồ Tát có trí huệ cao sâu, sung mãn. Đức Phật nói với các vị Bồ Tát ấy, đương nhiên cách nói chẳng giống như khi nói với chúng ta là những kẻ sơ học. Đối với chúng ta, nói đơn giản là được rồi, chứ đối với những vị ấy, phải nói chi tiết. Để nghiên cứu Lăng Nghiêm, có thể nhập môn từ bộ Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh. “*Không Kiến bất phân*”: Không là hư không, Kiến là năng kiến (chủ thể để thấy), hư không là sở kiến (đối tượng được thấy). [Không Kiến bất phân] là Năng và Sở là một, chẳng hai. “*Vọng Kiến Không nhi lưỡng vô kỳ thật*” (Kiến và Không hư vọng, cả hai đều chẳng thật), Không chẳng phải là thật. Không vốn là thật; lìa khỏi Kiến, Không là thật. Hễ có Kiến trong ấy, Không sẽ biến thành Ngoan Không (cái Không trơ trơ, rỗng tuếch), chẳng phải là Chân Không. Hổng ở chỗ có Kiến. Hiện thời, có ai trong chúng ta chẳng có Kiến? Do vậy, chúng ta đều chẳng thể thành Phật. Nếu chúng ta chẳng có Ngã Kiến, chúc mừng quý vị, nếu quý vị chẳng phải là Phật, thì đại khái cũng thuộc hàng Pháp Thân đại sĩ, hoặc hàng Đẳng Giác Bồ Tát. Hễ gặp vấn đề bèn “*cách nhìn của ta là như thế nào?*” Kết quả, “*cách nhìn của ta*” chính là Kiến, tức là quý vị có Kiến. “*Cách nghĩ của ta như thế nào?*” chính là phiền não, tức Phiền Não Chướng, chính là Phiền Não Trược trong Ngũ Trược. Kiến giải của ta như thế nào? Cách nhìn của ta như thế nào? Quý vị liền vướng vào Kiến Trược. Lời đức Phật dạy xác thực là chân tướng sự thật. Chúng sanh mê như thế nào, đức Phật hiểu rõ ràng, rành rẽ. Bản thân chúng ta hồ đồ, năng kiến đã chẳng thật, đương nhiên là sở kiến càng hư vọng, nhưng chúng ta chấp trước, ngỡ là thật sự có năng kiến và sở kiến.

“*Tánh vị hôn trược*” (Tánh bị vẩn đục), tâm tánh vốn sẵn thanh tịnh bèn mê, chẳng trông thấy. Cái mê ấy phiền toái lắm, càng mê càng sâu hơn. Thứ này rất đáng ghét. Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nhắc nhở các đồng tu: Trong đời này, nếu chúng ta chẳng thể vãng sanh,

quả báo trong đời sau chắc chắn sẽ thua kém đời này, sẽ chẳng thể tốt đẹp bằng đời này. Dầu quý vị rất thích tu phước, tu bố thí, nhưng quý vị chẳng biết tu huệ. Có phước mà chẳng có huệ, quá nguy hiểm! Nhà Phật nói “tam thế oán”, đời thứ nhất tu phước, đời thứ hai hưởng phước, đời thứ ba đọa lạc, đọa trong tam đồ, chính là vì chẳng nghiêm túc tu huệ, chuyên môn tu phước.

(Sao) Thứ dĩ Kiến Trược phối Thọ Ấm.

(Diễn) Thứ dĩ Kiến Trược phối Thọ Ấm giả, Lăng Nghiêm vân: “Nhữ thân hiện đoàn Tứ Đại vi Thê, kiến, văn, giác, tri, ung linh lưu ngại, thủy, hỏa, phong, thổ, toàn linh giác tri, tương chức vọng thành. Thị đệ nhị trùng, danh vi Kiến Trược”. Thứ tứ thị dĩ Kiến Trược phối Thọ Ấm dã. Dĩ tương chức vọng thành, thị lục căn dữ Tứ Đại tương chức, nhi vọng thành Thọ Ấm. Dĩ kỳ kiến cảnh lãnh nạp, hôn trước chân tánh, tức danh Kiến Trược, khởi bất thị dĩ Kiến Trược phối Thọ Ấm?

(鈔)次以見濁配受陰。

(演)次以見濁配受陰者。楞嚴云。汝身現搏四大為體。見聞覺知壅令留礙。水火風土旋令覺知。相織妄成。是第二重名為見濁。此即是以見濁配受陰也。以相織妄成。是六根與四大相織。而妄成受陰。以其見境領納。渾濁真性。即名見濁。豈不是以見濁配受陰。

(Sao: Kế đó, đem Kiến Trược ghép tương ứng với Thọ Ấm.

Diễn: “Kế đó, ghép Kiến Trược tương ứng với Thọ Ấm”: Kinh Lăng Nghiêm nói: “Thân ông nay do gom góp Tứ Đại làm Thê. Thấy, nghe, hay, biết do bị ngăn lấp mà trở thành chướng ngại, nước, lửa, gió, đất bị chuyển thành có hay biết, đan xen hư vọng mà thành. Đó là tầng thứ hai, gọi là Kiến Trược”². Đây chính là đem Kiến Trược phối ứng với

² Pháp sư Viên Anh giảng: “Nhữ thân hiện đoàn, Tứ Đại vi Thê: Hai câu này nói tới cái Thê của Kiến Trược. Nghĩa là cái thân hiện tại của các ông do gom góp Tứ Đại giả hợp, dùng chúng làm tự Thê. Đã có thân tướng, bèn có sáu căn. Do từ một cái tinh minh (chân tánh bốn tâm) chia ra, mà thành thấy, nghe, hay, biết v.v... lục tinh (sáu thứ tinh minh, tức chân tánh khởi tác dụng qua đặc tánh của sáu căn). Vốn là một tinh minh, do bị Tứ Đại đất, nước, gió, lửa ngăn ngại, bèn trở thành sáu căn,

Thọ Ám. “Đan xen hư vọng mà thành” tức là sáu căn và Tứ Đại đan quện vào nhau, hư vọng tạo thành Thọ Ám. Do nó thấy cảnh bèn lãnh nạp, khiến cho chân tánh bị vẩn đục, nên gọi là Kiến Trược. Há chẳng phải là đem Kiến Trược phối ứng với Thọ Ám ư?)

Trong Ngũ Uẩn, Sắc pháp nói khá đơn giản, chỉ có một điều, còn Tâm pháp nói khá cặn kẽ, bao gồm Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nói Tâm pháp tỉ mỉ, chính là vì đức Phật nói với kẻ mê Sắc nhẹ, mê tâm nặng nề. Kiến được nói ở đây chính là “thành kiến” như chúng ta thường gọi, tức là quan niệm chủ quan. Kẻ có thành kiến, có quan niệm chủ quan, người có quan niệm rất nặng nề thì sự cảm nhận của người ấy cũng đặc biệt nhạy bén.

“Thọ” là gì? Khô, lạc, ưu, hỷ, xả, kẻ ấy cảm nhận rất dễ dàng. Năm thứ cảm nhận ấy cũng chẳng thật. Từ khóa học dành cho sinh viên các trường đại học và chuyên nghiệp của Đài Trung Liên Xã, [thầy Lý] đã biên soạn Thập Tứ Giảng Biểu, [trong ấy], bài giảng thứ tư [nói về đề tài] “quán Thọ là khổ”. “Thọ” trong ấy là thuần túy nói về Thọ của lục đạo phàm phu, thật sự khổ! Khô, lạc, ưu, hỷ, xả: Khô là Khô Khô, Lạc là Hoại Khô, lạc chẳng thật. Vì sao? Lạc chẳng lâu dài, Khô là dài lâu, Lạc là tạm thời, Ưu là lâu dài, Hỷ là ngắn ngủi, tạm bợ. Đời người sống trong ưu khổ, hoạn nạn, phải giác ngộ điều này. Đời này của chúng ta là như thế, phải biết là đời đời kiếp kiếp đều là như vậy. Đời sau còn mong làm người nữa hay chẳng? Vẫn mong luân hồi trong lục đạo hay chẳng? Lục đạo luân hồi giống như một con ốc vít, một mực vặn xuống, chẳng thể vặn lên trên được. Do đó, mỗi đời sau sẽ kém hơn đời trước, đời sau khổ hơn đời trước. Nếu quý vị hỏi: “Vì sao thầy nói chắc nịch như vậy, mỗi đời sau sẽ khổ hơn đời trước?” Thật ra, đạo lý này rất đơn giản. Chỉ cần quý vị tự nghiêm túc suy nghĩ, phản tỉnh. Chúng ta từ sáng đến tối, từ ngày đầu năm cho đến Ba Mươi tháng Chạp, khởi tâm động niệm nghĩ tưởng những gì? Chúng ta mở miệng bèn nói gì? Chúng ta làm

chia thành sáu thứ hòa hợp. Vốn chẳng bị ngăn ngại, mà thành có ngăn ngại. Mắt chỉ có thể thấy, cho đến thức chỉ có thể biết. Tứ Đại đất, nước, gió, lửa vốn là vật vô tri, có thể chuyển biến thành giác tri. ‘Toàn’ (旋) là xoay chuyển, tức là chúng bị lực tinh xoay chuyển, chuyển cái chẳng có giác tri thành có giác tri. ‘Đan xen hư vọng mà thành’: Tri và vô tri, đan kết chặt chẽ với nhau, cũng như từng sợi ngang, sợi dọc [trong một tấm vải], đan bện chặt chẽ, chẳng tách rời, nhiều loạn chân tánh, hư vọng tạo thành tướng Kiến Trược, tổng cộng là sáu mươi hai món Kiến, lấy Thân Kiến làm đầu”.

những gì? Quý vị biết ngay. Ba nghiệp chúng ta tạo thiện nhiều hay làm ác nhiều? Nếu ba nghiệp tạo ác nhiều hơn thiện, đời sau chẳng bằng đời này! Nếu như ba nghiệp của chúng ta tạo thiện nhiều hơn ác, đời sau nhất định tốt đẹp hơn đời này. Tiêu chuẩn của thiện ác là ở chỗ nào? Lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội, đó là thiện. Lợi ích chính mình, lợi ích gia đình của ta, đó là ác. Vì thế, phạm đối với chuyện gì, nếu ý niệm đầu tiên là suy xét coi nó có lợi ích cho chính mình hay không; đó là đại ác, chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Phải học theo Phật, Bồ Tát, khởi tâm động niệm bèn nghĩ tới hết thấy chúng sanh, chẳng nghĩ tới chính mình. Hiện thời, có mấy ai khởi tâm động niệm bèn nghĩ tới hết thấy chúng sanh, nghĩ đến đại chúng trong xã hội, chẳng nghĩ tới chính mình? Một người làm, đó là biệt nghiệp, biệt báo; mọi người cùng nhau tạo tác, sẽ là cộng nghiệp, cộng báo. Chuyện này phiền phức to tát.

(Sao) Thứ dĩ Phiền Nã Trược phối Tướng Âm.

(Diễn) Thứ dĩ Phiền Nã Trược phối Tướng Âm giả, kinh vân: “Hựu như tâm trung ức thức, tụng tập, tánh phát tri kiến dung hiện lục trần. Ly trần vô tướng, ly giác vô tánh, tương chức vọng thành. Thị đệ tam trùng, danh Phiền Nã Trược”. Thử tức thị dĩ Phiền Nã Trược phối Tướng Âm dã. Dĩ tương chức vọng thành, thị tri kiến dĩ lục trần tương chức, nhi vọng thành Tướng Âm. Ký thủ trước sở lãnh, tắc nhiễu loạn thậm tiền. Ký hôn chân tánh, tức danh Phiền Nã Trược, khởi bất thị dĩ phiền nã phối Tướng Âm?

(鈔)次以煩惱濁配想陰。

(演)次以煩惱濁配想陰者。經云。又汝心中憶識誦習。性發知見容現六塵。離塵無相。離覺無性。相織妄成。是第三重名煩惱濁。此即是以煩惱濁配想陰也。以相織妄成。是知見與六塵相織。而妄成想陰。既取著所領。則擾亂甚前。既渾真性即名煩惱濁。豈不是以煩惱配想陰。

(Sao: Kế đó, đem Phiền Nã Trược ghép với Tướng Âm.

Diễn: “Kế đó, đem Phiền Nã Trược ghép với Tướng Âm”: Kinh nói: “Lại do trong tâm ông nhớ tưởng, nhận biết, ôn luyện, tánh bèn dấy

lên tri kiến hòa nhập sáu trần. Lìa trần thì không có tướng, lìa giác thì không có tánh, đan xen hư vọng mà thành. Đó là tầng thứ ba gọi là Phiền Nã Trược”³. Đây chính là đem Phiền Nã Trược phối ứng với Tướng Âm. “Do đan xen hư vọng mà thành”, tức là tri kiến và lục trần đan quyện vào nhau, hư vọng tạo thành Tướng Âm. Do chấp trước những gì đã tiếp nhận, nên nó quấy nhiễu chân tánh mạnh hơn [những thứ Trược] trước đó. Do nó vẫn đục chân tánh, nên gọi là Phiền Nã Trược. Há chẳng phải là đã ghép phối ứng Phiền Nã Trược với Tướng Âm ư?)

Đây cũng là chỉ rõ: Phiền nã sanh từ vọng tưởng. Quý vị chẳng dấy vọng tưởng, lấy đâu ra phiền nã? Phiền nã là gì? Quá nhiều! Vô lượng vô biên. Đức Phật thuyết pháp, đã quy nạp phiền nã thành hai mươi sáu loại, giống như hai mươi sáu món phiền nã được nói trong Bách Pháp Minh Môn Luận. Trong hai mươi sáu món ấy, có sáu món được gọi là Căn Bản Phiền Nã⁴, những món khác được gọi là Tùy Phiền Nã. Trong Tùy Phiền Nã, có Đại Tùy Phiền Nã, Trung Tùy Phiền Nã, và Tiểu Tùy Phiền Nã⁵, tổng cộng hai mươi món. Đây là hai

³ Pháp sư Viên Anh giảng: “Hư như tâm trung, ức thức, tung tập, ý nói: Trong cái tâm sáu thức vọng tưởng, nghĩ nhớ cảnh duyên quá khứ, nhớ kỹ chẳng quên. Nhận biết, nắm giữ cảnh được duyên (sở duyên cảnh) trong hiện tại, đắm nhiễm chẳng bỏ, ôn luyện cảnh vị lai để chuẩn bị tính toán. Hai câu này nêu ra cái Thể của Phiền Nã Trược. ‘Tánh phát tri kiến, dung hiện lục trần’: Tánh chính là cái tánh có thể tưởng của sáu thức, nương vào sáu căn, phát khởi sáu thứ vọng tưởng thấy, nghe, ngửi, nếm, hay, biết. Năm thứ đầu là đồng thời ý thức, vì sanh khởi cùng một lúc với năm thức. Còn Biết là độc đầu ý thức (chẳng cùng sanh khởi với năm thức kia). Nêu ra hai chữ Tri Kiến là đã bao gồm cả sáu thức. ‘Dung’ là do tướng tượng trạng của sáu trần, mà hiện ra có sáu trần cảnh. ‘Ly trần vô tướng, ly giác vô tánh’: Nếu sáu thức lìa khỏi cảnh giới sáu trần, thì các trần để cho thức duyên vào đã mất, cái thức có tác dụng duyên theo các trần ấy cũng bị mất đi. Vì thế, chẳng có thức tướng để có thể được. Nếu sáu trần lìa khỏi vọng giác của sáu thức, thì chủ thể để chấp giữ chẳng sanh, đối tượng được chấp giữ cũng là không, chẳng có tánh của trần nữa. ‘Tương chức vọng thành’: Vọng giác và vọng trần đan xen lẫn nhau, cũng như sợi ngang và sợi dọc, đan bện chặt chẽ, chẳng tách rời. Vì thế, duyên trần tướng niệm, tham luyến chẳng ngưng nghỉ, tạo thành tướng của Phiền Nã Trược”.

⁴ Căn Bản Phiền Nã là tham, sân, si, mạn, nghi và bất chánh kiến. Bất Chánh Kiến thật ra bao gồm năm loại lợi sử (tức Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến và Giới Thủ Kiến).

⁵ Đại Tùy Phiền Nã gồm Bất Tín, Giải Đãi, Hôn Trâm, Điều Cử (lao chao), Phóng Dật (buông lung), Thất Niệm (không giữ được chánh niệm), Tán Loạn và Oa Tri (hiểu biết lệch lạc, tà vạy).

mười loại lớn. Lại quy nạp, sẽ là tham, sân, si trong Căn Bản Phiền Nã, những món này được gọi là Tam Độc. Những thứ này độc địa nhất, chẳng có gì độc địa hơn. Bất cứ độc dược nào trong thế gian cũng đều chẳng thể sánh bằng ba điều này, thua kém quá xa, đơn giản là chẳng thể sánh bằng. Nay chúng ta đều đang trúng độc, lại còn trúng độc rất sâu. Vì thế, tiếp nhận Phật pháp khá khó khăn.

Phật pháp là pháp thanh tịnh, chắc chắn là tương phản với Tam Độc. Cổ đức tỷ dụ: Phật pháp là đê-hồ, đê-hồ là thức uống ngon nhất. Chúng ta dùng một cái chén để tiếp nhận đê-hồ. Cái chén ấy vốn để đựng thuốc độc. Thuốc độc chưa rửa sạch, đổ đê-hồ vào đó, đê-hồ cũng biến thành độc dược. Chuyện này ví như trạng huống học Phật của chúng ta trong hiện thời. Chúng ta đã tiếp nhận Phật pháp, nhưng đem chứa nó trong đồ đựng Tam Độc. Vì thế, Phật pháp vào trong tâm chúng ta bèn biến chất. Nó vốn là thanh lương, là vô thượng pháp bảo, tiến nhập cái tâm của chúng ta cũng biến thành Tam Độc. Có những kẻ càng học Phật, phiền não càng nặng nề. Hãy nên biết điều này, vì đồ chứa của họ chẳng sạch sẽ.

Vì thế, tu học Phật pháp thì học khởi đầu từ đâu? Học khởi đầu từ đoạn phiền não. Tứ Hoàng Thệ Nguyên dạy chúng ta trình tự tu học chẳng thể đảo loạn, chẳng thể điên đảo. Nhập Phật môn, điều thứ nhất là khuyên quý vị phát nguyện. Vì sao? Nguyện là động lực tu học, nó có thể thúc đẩy quý vị vĩnh viễn tinh tấn chẳng biếng nhác. Quý vị chẳng có nguyện lực, sẽ mệt mỏi, chán nản, sẽ thoái chuyển. Điều thứ nhất trong Tứ Hoàng Thệ Nguyên là “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, điều này là động lực. Vì sao quý vị chịu nghiêm túc nỗ lực tu học, chẳng sợ hết thảy khó khăn, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển? Do nguyện lực này thôi thúc quý vị.

Học bắt đầu từ nơi đâu? Học khởi đầu từ đoạn phiền não, “*phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”. Sau khi đã đoạn phiền não, mới có thể học pháp môn. Chẳng đoạn phiền não, chẳng thể học pháp môn. Từ xưa tới nay, tổ tổ tương truyền, đều dạy quý vị thâm nhập một môn. Thâm nhập một môn, nhằm mục đích nào? Nhằm đoạn phiền não. Nói cách khác, chỉ có một môn thì mới có thể tu tâm thanh tịnh. Quý vị có phiền não, tâm sẽ chẳng thanh tịnh. Dùng một môn để tu cái tâm thanh tịnh, bất

Trung Tùy Phiền Nã gồm: Vô Tàm và Vô Quý (Tàm và Quý đều là hổ thẹn, Tàm là tự thẹn, Quý là hổ thẹn đối với người khác).

Tiểu Tùy Phiền Nã gồm: Phẫn, Hận, Não, Phú (giấu diếm), Cuồng (dối trá), Siểm (dua nịnh), Kiêu, Hại, Tật (ganh ghét), Xan (keo kiệt).

luận tông phái nào hay pháp môn nào đều chẳng thể trái nghịch nguyên tắc này. Nguyên tắc này xuất phát từ Tứ Hoàng Thệ Nguyên, cho đến khi phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, khi ấy bèn có thể “*pháp môn vô lượng thệ nguyên học*”.

Kinh Hoa Nghiêm là một tấm gương tốt nhất [về chuyện “thâm nhập một môn”]. Thiện Tài đồng tử và chư đại Bồ Tát đã nêu gương và biểu diễn cho chúng ta thấy. Thiện Tài đồng tử ở trong hội của Văn Thù Bồ Tát, so với năm mươi ba lần tham học, hội ấy được gọi là “*bốn hội*” (hội gốc). Thiện Tài đồng tử tham phỏng Văn Thù Bồ Tát, thâm nhập một môn, đoạn phiền não. Phiền não đã đoạn, trí huệ mở mang, Văn Thù Bồ Tát cho Ngài đi tham học, đó gọi là “*năm mươi ba lần tham học*”. Tham học chính là “*pháp môn vô lượng thệ nguyên học*”. Chẳng đoạn phiền não, chẳng có tư cách tham học. Đã đoạn phiền não, trí huệ hiện tiền; khi ấy, bèn có tư cách tham học. Tham học chẳng đơn giản, chẳng phải là ai nấy hễ học Phật bèn có thể tham học, chẳng có lẽ ấy! Đây là nói rõ tầm quan trọng của việc đoạn phiền não, cũng như [nói rõ] phiền não đối với chuyện chứng ngộ minh tâm kiến tánh có mức độ to lớn dường nào!

(Sao) Thứ dĩ Chúng Sanh Trược phối Hành Âm.

(Diễn) Thứ dĩ Chúng Sanh Trược phối Hành Âm giả, kinh vân: “Hựu nhữ triêu tịch sanh diệt bất đình, tri kiến mỗi dục lưu w thế gian, nghiệp vận mỗi thường thiên w quốc độ, tương chức vọng thành. Thị đệ tứ trùng, danh Chúng Sanh Trược”. Thứ tứ thị dĩ Chúng Sanh Trược phối Hành Âm dã. Dĩ tương chức vọng thành, thị tri kiến dữ nghiệp vận tương chức, nhi vọng thành Hành Âm, nhi khứ lưu giả hợp, hôn trược chân tánh, tức danh Chúng Sanh Trược, khởi bất thị dĩ Chúng Sanh Trược phối Hành Âm?

(鈔)次以眾生濁配行陰。

(演)次以眾生濁配行陰者。經云。又汝朝夕生滅不停。知見每欲留於世間。業運每常遷於國土。相織妄成。是第四重名眾生濁。此即是以眾生濁配行陰也。以相織妄成。是知見與業運相織。而妄成行陰。而去留假合。渾濁真性。即名眾生濁。豈不是以眾生濁配行陰。

(Sao: Kế đó, đem Chúng Sanh Trược ghép với Hành Ám.

Diễn: “Kế đó, đem Chúng Sanh Trược ghép với Hành Ám”: Kinh nói: “Ông lại sáng tối sanh diệt chẳng ngừng, tri kiến thường mong ở trong thế gian, nghiệp vận thường đòi dòi trong cõi nước, đan xen hư vọng mà thành. Đó là tầng thứ tư, gọi là Chúng Sanh Trược”⁶. Đây chính là đem Chúng Sanh Trược phối ứng với Hành Ám. “Do đan xen hư vọng mà thành” tức là tri kiến và nghiệp vận đan xen, hư vọng tạo thành Hành Ám, nhưng bỏ, giữ, giả hợp, vẫn đục chân tánh, bèn gọi là Chúng Sanh Trược. Há chẳng phải là dùng Chúng Sanh Trược phối ứng với Hành Ám ư?)

“Hành” ở đây là tạo tác, Hành (行) là hành vi. Trong Phật pháp, thường nói là “tu hành”. Đối với Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chẳng nói tu Sắc, tu Tưởng, hoặc tu Thọ. Hằng ngày nói đến “tu hành”, chính là nhằm nói rõ: Trong năm loại lớn ấy, Hành hết sức trọng yếu. Nói với ai? Nói với bọn phàm phu chúng ta! Nói cách khác, hành vi của bọn phàm phu chúng ta chẳng kiểm điểm nhất, dễ phạm lỗi nhất. Vì thế, đức Phật đặc biệt đồ công độc sức nơi chữ này, dạy quý vị phải tu hành. Đương nhiên là chúng ta hiểu rõ: Trong năm chữ ấy, tùy tiện nói một chữ, thảy đều bao gồm toàn bộ. Hễ nói “tu hành” thì bao gồm Sắc, Thọ, Tưởng trước đó, và bao gồm Thức sau đó.

Đây là nói với hàng phàm phu, hành trì chẳng thể không kiểm điểm. Đức Phật yêu cầu chúng ta phải nghiêm trì giới luật. Nghiêm trì giới luật là nói phối ứng với Hành Ám. Tư tưởng, lời nói, hành vi tạo tác, khởi tâm động niệm của chúng ta đều phải tương ứng với giáo huấn trong kinh điển. Nói cách khác, giáo huấn trong kinh điển là tiêu chuẩn để chúng ta tu hành. Tuy chúng ta tu Tịnh Độ, tin tưởng Tịnh Độ, yêu thích Tịnh Độ, chúng ta có thể tiếp nhận, cũng nguyện sanh Tịnh Độ, nay vẫn chưa mong vãng sanh! [Nếu như] hiện tại đã mong vãng sanh,

⁶ Pháp sư Viên Anh giảng: “Tri kiến thường mong ở trong thế gian: Do phàm phu không ai chẳng là tham sống, sợ chết. Vì thế, nương vào cái tri kiến từ Ngã Chấp, thường muốn ở mãi trong thế gian. Đã tròn một trăm tuổi, vẫn mong sống đến một trăm hai mươi tuổi. Đây là nói theo cái tâm. Hiềm rằng Hành Ám đòi chuyển khí khao, nghiệp vận thường thúc đẩy, chẳng có chút tự do nào, bỏ mạng chỗ này, sanh sang chỗ kia, cõi nước đòi dòi. Đó là nói theo cái thân. ‘Đan xen mà hư vọng tạo thành’: Thân hư vọng, tâm hư vọng, thường đòi dòi mà muốn giữ mãi, đan xen lẫn nhau, cũng như từng sợi ngang, sợi dọc, đan bện chặt chẽ, chẳng tách lìa, nhiễu loạn chân tánh, hư vọng tạo thành tướng của Chúng Sanh Trược”.

vậy thì đơn giản lắm! Một câu Phật hiệu A Di Đà Phật là được rồi, những thứ khác đều chẳng cần thiết. Vì hiện thời quý vị chẳng mong vãng sanh, cho nên tôi mới khuyên quý vị niệm kinh Vô Lượng Thọ. Quý vị phải hiểu đạo lý này! Hiện thời, [đã là] thật sự mong vãng sanh thì chẳng cần niệm kinh Vô Lượng Thọ, một câu Phật hiệu là được rồi.

Hiện thời, chẳng mong vãng sanh, vẫn còn lưu luyến thế giới này; do vậy, mới bảo quý vị đọc kinh Vô Lượng Thọ. Đọc kinh Vô Lượng Thọ nhằm dụng ý gì? Vun bồi cơ sở Giới, Định, Huệ của quý vị, khiến cho Tam Học Giới, Định, Huệ của quý vị tăng trưởng hằng ngày. Kinh niệm rất thuộc, nhớ kỹ từng câu rất minh bạch, trong cuộc sống, đối với khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, sẽ nghĩ trong kinh đức Phật đã nói như thế nào? Ta khởi ý niệm, ý niệm ấy có nên dấy lên hay chẳng? Ta nói lời này, lời ấy có nên nói hay chẳng? Ta có một tiêu chuẩn, tiêu chuẩn ấy chính là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là A Di Đà Phật, chúng ta dùng A Di Đà Phật làm tiêu chuẩn để tu hành, như vậy thì trong tương lai, sẽ vãng sanh dễ dàng. Vì sao? Tâm nguyện giải hạnh của chúng ta tương ứng với A Di Đà Phật, há có lẽ nào chẳng vãng sanh? Không chỉ là được vãng sanh, mà phẩm vị còn nhất định rất cao. Đây là mục đích của việc đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ.

Một bộ kinh sẽ chuyên chú dễ dàng, chuyên tâm niệm, tâm sẽ được thanh tịnh, có thể đoạn phiền não! Phiền não, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chẳng cần đoạn, tự nhiên chúng sẽ giảm nhẹ, dùng phương pháp này để đạt tới “*phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”. Từ trên cơ sở này, đặt vững “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Trong một đời này, chúng ta chẳng có thời gian để tu học hết thấy các pháp môn, nhưng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, y báo và chánh báo ở bên đó đều đạt tới mức viên mãn rất ráo. Vì thế, vô lượng vô biên pháp môn đều được hoàn thành trong hội của Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. Chúng ta thực hiện hai nguyện đầu của Tứ Hoàng Thế Nguyện trong hiện thời, đối với hai nguyện sau là “tu pháp môn, thành Phật đạo”, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ lại thực hiện. Như vậy thì sẽ ổn thỏa, thích đáng.

(Sao) Thứ dĩ Mạng Trược phối Thức Ám.

(Diễn) Thứ dĩ Mạng Trược phối Thức Ám giả, kinh vân: “Nhữ đẳng kiến văn nguyện vô dị tánh, chúng trần cách việt, vô trạng dị sanh. Tánh trung tương tri, dụng trung tương bối, đồng dị thất chuẩn, tương chức vọng thành. Thị đệ ngũ trùng, danh vi Mạng Trược”. Thứ

tức thị dĩ Mạng Trước phối Thức Âm dã, dĩ tương chức vọng thành, thị nhất đồng, nhất dị, như kinh vĩ mật chức, nhi thành Thức Âm. Nhi thức trụ mạng tồn, thức khứ mạng tạ, hồn trước chân tánh, tức danh Mạng Trước, khởi bất thị dĩ Mạng Trước phối Thức Âm?

(鈔)次以命濁配識陰。

(演)次以命濁配識陰者。經云。汝等見聞元無異性。眾塵隔越無狀異生。性中相知。用中相背。同異失準。相織妄成。是第五重名為命濁。此即是以命濁配識陰也。以相織妄成。是一同一異。如經緯密織。而成識陰。而識住命存。識去命謝。渾濁真性。即名命濁。豈不是以命濁配識陰。

(Sao: Ké đó, đem Mạng Trước ghép với Thức Âm.

Diễn: “Ké đó, đem Mạng Trước ghép với Thức Âm”: Kinh nói: “Cái Thấy và cái Nghe của các ông vốn chẳng khác tánh, do các trần cách biệt mà không gì chẳng dường như là khác tánh. Luận theo tánh thì biết là [tánh của sáu căn] thông tỏ lẫn nhau [nên là tương đồng], xét theo Dụng thì chúng trái nghịch nhau, đồng và dị mất chuẩn định, đan xen hư vọng mà thành. Đây là tầng thứ năm gọi là Mạng Trước”⁷. Đây

⁷ Pháp sư Viên Anh giảng: “Món Trước này nương vào Thức Âm, tức là nói đến thức thứ tám. Thức thứ bảy thuộc về Hành Âm, thức thứ sáu thuộc về Tướng Âm. Bởi lẽ, xét theo phía chúng sanh, thức thứ tám là ‘đến trước, đi sau, làm ông chủ’. Thọ mạng và thức thứ tám có mối quan hệ liên đới. Người sống mà thức thứ tám chưa lìa khỏi thì thọ mạng chưa tận. Thức thứ tám rời khỏi thân thể, thọ mạng liền chấm dứt. Vì thế, Mạng Trước nương vào Thức Âm. ‘Cái Thấy và cái Nghe của ông tánh vốn chẳng khác’: Cái Thấy, Nghe, Hay, Biết của các ông chính là Kiến Tinh, Văn Tinh v.v... nơi các căn, chẳng phải là sự thấy nghe từ sáu thức. Chúng vốn là một Thể, chẳng phải là khác tánh. ‘Các trần cách biệt’: ‘Các trần’ chỉ sáu trần sáng, tối, động, tĩnh v.v... Các căn hòa hợp với Trần, mỗi mỗi đều mở bày. Do vậy, cách lìa Nhất Thể, trở thành lục tinh (sáu cái trong suốt, tinh túy), không gì chẳng dường như là khác tánh. Nhưng xét theo tánh để luận, sáu tác dụng vốn là cùng một Thể, là chuyện trong cùng một nhà. Tri giác thông tỏ lẫn nhau, là tương đồng, chẳng khác. Nếu xét theo Dụng để luận định, một Thể đã trở thành sáu tác dụng, không gì là chẳng có đây kia, chống trái lẫn nhau, tức là sai khác, chẳng đồng. ‘Đồng và dị mất chuẩn định’, ‘đan xen mà hư vọng tạo thành’: Đối với chuẩn định thì đồng chẳng phải là nhất định đồng, mà dị thì chẳng phải là nhất định dị. Vì thế nói là ‘đồng và

chính là đem Mạng Trược phối hợp với Thức Ám. “Do đan xen hư vọng tạo thành”: Một đồng, một dị, như sợi dọc và sợi ngang đan bện chặt chẽ, tạo thành Thức Ám. Thức trụ, mạng còn; thức rời đi, mạng mất. Vẫn đục chân tánh, nên gọi là Mạng Trược. Há chẳng phải là đem Mạng Trược phối ứng với Thức Ám ư?)

Chúng ta là hữu tình chúng sanh, nói theo cách hiện thời thì là “động vật”. Con người thuộc loại động vật, thọ mạng của động vật do Thức [quyết định]. Người thế gian gọi Thức là “tinh thần”, dân gian Trung Hoa gọi Thức là “linh hồn”. Linh hồn lìa khỏi thân thể, thân thể này sẽ là xác chết. Thời gian tồn tại [của thân xác sau khi thức đã rời khỏi] rất ngắn ngủi, chừng mấy giờ hoặc một, hai ngày liền mục nát, còn có mùi thối! Con người có thể sống là do linh hồn ở trong nhục thể. Phật giáo chẳng gọi nó là “linh hồn”, mà gọi là Thức. Kinh nói là “*thức thần*”, Duy Thức nói nó chính là thức thứ tám, tức A Lại Da Thức. Nó “*đến trước, đi sau*”, đầu thai thì nó đến đầu tiên. Đến lúc chết, nó đi cuối cùng. Người đã chết, đã ngừng hô hấp, nhưng trên người còn có độ ấm, chứng tỏ A Lại Da Thức chưa rời đi. Nếu thức hoàn toàn rời khỏi, chẳng còn có độ ấm nữa. Đức Phật bảo chúng ta, sanh tử là đại sự trong đời người! Sau khi một người đã tắt hơi, nói thông thường, trong vòng tám tiếng đồng hồ, thức thần của người ấy hoàn toàn chưa lìa khỏi. Nói cách khác, nếu quý vị đụng chạm, sờ mó người ấy, tuy người ấy chẳng thể nói năng, vẫn nhận biết rõ ràng, rành mạch. Vì thức bao gồm tám thức, [các thức nơi] mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều lìa khỏi, [nhưng A Lại Da Thức vẫn còn]. Nói cách khác, [các thức khác] thấy đều chẳng khởi tác dụng, thức thứ tám là A Lại Da vẫn khởi tác dụng. Thông thường là sau tám tiếng đồng hồ, thức sẽ lìa khỏi, lúc ấy mới là thật sự đã chết. Các sách Súc Chung Tu Tri (những điều cần biết để giúp đỡ người lâm chung) và Súc Chung Tân Lương (hướng dẫn về sự giúp đỡ dành cho người lâm chung), đã căn cứ trên những điều được dạy trong kinh luận nhà Phật mà giảng giải chuyện này rất rõ ràng, chớ nên không biết. Quý vị hiểu rõ, sẽ có thể giúp đỡ người ấy. Sau khi người ấy đã chết, sẽ sanh đến chỗ tốt đẹp, chớ nên chướng ngại, gây khó khăn cho người ấy. Nếu khiến cho người ấy sân hận, khiến cho người ấy tham luyến; nói cách khác, quý vị giúp người ấy vào trong ba ác đạo. Quý vị tạo cái nhân ác đó, trong tương lai

dị mất chuẩn định’. Một đồng, một dị, đan quện vào nhau, cũng như sợi ngang xen lẫn sợi dọc, đan bện chặt chẽ chẳng tách rời, nhiều loạn chân tánh, hư vọng tạo thành tướng của Mạng Trược”.

cũng phải hứng chịu quả báo ấy. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta tạo nhân, bất luận hữu ý hay vô ý, đều phải lãnh nhận quả báo, chẳng thể nói “vô ý thì sẽ không hứng chịu quả báo”, chẳng có lẽ ấy!

“Mạng”, nói thông thường là thọ mạng. Thọ mạng dài hay ngắn cũng là có nhất định, phải biết điều này. Ai định sẵn [thọ mạng] cho quý vị? Chính là những nghiệp thiện ác trong đời quá khứ quyết định, chẳng phải do vua Diêm La quyết định, cũng chẳng phải do Thượng Đế định đoạt, càng chẳng dính dáng gì đến Phật, Bồ Tát, hoàn toàn là tự làm, tự chịu. Cùng một đạo lý như vậy, vận mạng đã do sự tạo tác của chính mình mà định sẵn, đương nhiên là chính mình có thể sửa đổi. Tự làm thì nhất định là tự chịu, người khác chẳng thể giúp đỡ quý vị sửa đổi. Nếu người khác có thể giúp quý vị sửa chữa; hiện thời, chúng ta chẳng cần học Phật nữa! Chư Phật, Bồ Tát đại từ, đại bi, nhất định là sẽ sửa đổi rất tốt đẹp cho chúng ta. Nếu các Ngài chẳng thay chúng ta sửa chữa, [tức là] các Ngài chẳng từ bi. Vì vậy, Phật, Bồ Tát cũng chẳng có sức mạnh để sửa đổi cho chúng ta.

Chư vị hiểu đạo lý này, đối với những gã thầy bói xem tướng đoán mạng bình phàm trong xã hội đòi phê bát tự, đòi sửa đổi vận mạng cho quý vị, quý vị biết ngay là giả trá, chẳng thật! Nếu hấn thật sự có thể sửa đổi vận mạng, sao hấn không sửa đổi cho chính mình? Vì thế, người học Phật đầu óc phải tỉnh táo, đừng bị kẻ khác lừa gạt. Chư Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng ta, chỉ là nói rõ ràng chân tướng sự thật này, ngõ hầu bản thân chúng ta hiểu nên làm như thế nào. Liễu Phàm Tứ Huán là một tấm gương tốt lành trong chuyện sửa đổi vận mạng. Chư vị hãy xem cho nhiều, đọc cho nhiều, sẽ hiểu rõ. Bất quá, cách sửa đổi của cư sĩ Liễu Phàm rất nhọc nhằn, là phương cách rất ngóc nghếch, chẳng phải là một phương pháp thông minh và rất nhanh chóng. Có cách nào thông minh, nhanh lẹ hơn hay không? Có chứ! Có [phương pháp để trong] một niệm mà từ phàm phu bèn thành Phật, tiên sinh Liễu Phàm làm sao có thể sánh bằng được, thua kém quá xa! Trong Phật pháp thường nói đến phương pháp này, đức Phật thường khuyên “*phát nguyện*”. Nếu nguyện lực của quý vị vượt trội nghiệp lực, nghiệp lực của quý vị chẳng khởi tác dụng, dùng nguyện lực thay thế [nghiệp lực] thì chính là “*thừa nguyện tái lai*”.

Chúng ta chẳng sửa đổi vận mạng được, là do đạo lý nào? Tuy chúng ta cũng phát nguyện, nguyện lực của chúng ta nhỏ bé, nghiệp lực to lớn. So sánh hai đẳng, nghiệp lực áp đảo nguyện lực, nguyện lực chẳng khởi tác dụng, vẫn nghe theo sự chi phối của nghiệp lực. Nếu

nguyện lực của chúng ta thật sự thanh tịnh, kiên cố, nguyện lực vượt trội nghiệp lực, nghiệp lực chẳng khởi tác dụng, nguyện lực khởi tác dụng. Vì thế, sẽ là thừa nguyện tái lai. Không nhất định là sau khi đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới mới thả chiếc bè Từ trở lại, cũng đúng là như thế, nhưng ngay trong hiện tiền, khi tâm niệm của ta vừa chuyển, nguyện lực của ta thật sự vượt trội nghiệp lực, ngay trong một niệm hiện tại, đã là “*thừa nguyện tái lai*”. Thừa nguyện tái lai thì thọ mạng dài hay ngắn tự tại, ở trong thế gian, muốn trụ bao nhiêu năm, bèn trụ bấy nhiêu năm, mong ra đi lúc nào, bèn đi lúc ấy. Đó gọi là “*liễu sanh tử, đắc đại tự tại*”. Chúng ta làm được chuyện này, chẳng phải là không làm được, vấn đề là quý vị có chịu làm hay không? Bộ kinh luận nào, pháp môn nào giảng chuyện này thấu triệt nhất, viên mãn nhất? Kinh A Di Đà.

Trong hết thảy các kinh, kinh A Di Đà bậc nhất. Trong hết thảy danh hiệu của chư Phật, Bồ Tát, A Di Đà bậc nhất! Do vậy, nếu thật sự hiểu rõ, thật sự lý giải ý nghĩa của kinh, thật sự tin tưởng, y giáo phụng hành, mỗi cá nhân trong hiện tiền đều có thể dùng nguyện lực để chuyển đổi nghiệp lực, xác thực là đắc đại tự tại. Vì thế, trong hết thảy các pháp, đối với chuyện khó nhất, ngay cả vận mạng mà còn chuyển được, thì đối với những chuyện vặt vãnh khác, lẽ nào chẳng chuyển được? Thứ gì cũng đều chuyển được. Vấn đề sanh tử người ấy còn giải quyết được, thì những chuyện cùng quần, hanh thông, phú quý trong thế gian này sẽ đều là chuyện nhỏ nhất như lông gà, vỏ tỏi, chẳng có chuyện gì không viên mãn! Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.